

Bản án số: 04/2017/HNGĐ-ST

Ngày: 26 – 6 – 2017

Về việc: Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KỲ ANH, TỈNH HÀ TĨNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông H Ngọc Tùng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn An

2. Ông Lê Văn Nhưng

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Hoài Thanh - Thư ký Toà án nhân dân huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Tiến Phong – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 6 năm 2017 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 02/2017/TLST – HNGĐ ngày 06 tháng 01 năm 2017 về ly hôn theo Quyết định vụ án ra xét xử số 04/2017/QĐXXST – HNGĐ ngày 26 tháng 5 năm 2017 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thanh T

Sinh ngày: 12 – 6 – 1988; Địa chỉ: Xóm B, xã T, huyện X, tỉnh Hà Tĩnh.

Có mặt.

Bị đơn: Anh Dương Đình V

Sinh ngày 13 – 5 – 1987; Địa chỉ: Xóm L, xã S, huyện A, tỉnh Hà Tĩnh.

Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Trong đơn khởi kiện ngày 10 tháng 11 năm 2016, trong các bản khai và tại phiên tòa, **nguyên đơn là chị Nguyễn Thanh T trình bày:**

Về tình cảm: Chị và anh Dương Đình V là vợ chồng, đăng ký kết hôn ngày 28 tháng 9 năm 2009 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện X, tỉnh Hà Tĩnh. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được 2 năm thì xảy ra mâu thuẫn. Vợ chồng thường cãi vã, xúc phạm lẫn nhau, anh V thỉnh thoảng sử dụng vũ lực với chị T và thiếu quan tâm vun vén xây dựng cuộc sống gia đình. Bị chồng đánh đập, chửi bới không chịu được chị T đã ba lần bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở xã T, huyện X, tỉnh Hà Tĩnh sinh sống và cũng đã ba lần trở về với anh V để cố gắng hàn gắn

tình cảm vợ chồng, chính quyền cùng gia đình hai bên cũng đã hòa giải nhiều lần nhưng không được. Từ năm 2011 không thể tiếp tục chung sống chị T đã về hẳn nhà bố mẹ đẻ sinh sống, rồi đi xuất khẩu lao động, ly thân với anh V từ đó. Nay chị T yêu cầu được ly hôn.

Về con: Vợ chồng có 1 con chung là cháu Dương Huy H, sinh ngày 29 – 10 – 2009, hiện nay cháu đang ở với bà nội là bà Trần Thị M ở xã S, huyện A, tỉnh Hà Tĩnh. Nếu ly hôn, chị có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con và không yêu cầu anh V phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con. Tuy nhiên nếu giao cháu cho bà nội tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng theo như nguyện vọng của cháu thì chị cũng đồng ý vì đó là nguyện vọng của cháu và vì bà cháu cũng đã sống gắn bó với nhau từ khi cháu còn nhỏ, chị sẽ cung cấp mỗi tháng 700.000đ để bà nội nuôi dưỡng cháu.

Để chứng minh cho lời trình bày của mình, chị T giao nộp các tài liệu, chứng cứ bao gồm: Giấy chứng nhận kết hôn của vợ chồng; giấy khai sinh của cháu H; sổ hộ khẩu của gia đình, biên bản hòa giải của Ủy ban nhân dân xã S, huyện A, tỉnh Hà Tĩnh (nơi vợ chồng chung sống trước khi ly thân).

Về tài sản: chị T không yêu cầu Tòa án phân chia.

- Trong bản tự khai và biên bản lấy lời khai đều ngày 06 tháng 01 năm 2017 và đơn kê khai tài sản, **bị đơn là anh Dương Đình V** trình bày:

Về tình cảm: Anh thừa nhận mâu thuẫn vợ chồng như chị T trình bày và không có ý kiến gì về việc chị T yêu cầu ly hôn.

Về con: Anh thừa nhận vợ chồng có con chung đúng như chị T trình bày và anh có nguyện vọng được nuôi con vì lý do bố con anh đã chung sống với nhau từ nhỏ, chị T thiếu trách nhiệm với con.

Về tài sản: Anh V trình bày vợ chồng có 1 thửa đất rừng ở xã S, huyện A, tỉnh Hà Tĩnh hiện nay do anh V quản lý, một thửa đất gắn liền với 1 móng nhà ở xã T, huyện X, tỉnh Hà Tĩnh hiện nay không rõ ai quản lý, 1 chiếc xe máy nhãn hiệu SH chị T đã bán cho chị gái. Anh V yêu cầu Tòa án phân chia tài sản chung của vợ chồng theo quy định của pháp luật.

Anh V không giao nộp tài liệu chứng cứ nào, sau khi khai báo và trình bày ý kiến như trên anh V không có mặt tại Tòa án để làm việc mặc dù đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần, sau đó anh V đi xuất khẩu lao động không thông báo địa chỉ mới cho gia đình, chính quyền cũng như Tòa án biết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. *Về tố tụng:* Anh V là bị đơn sau khi khai báo nêu ý kiến, yêu cầu đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần để giải quyết yêu cầu của anh V, nhưng anh V lại không có mặt, đến nay anh V đã vắng mặt tại phiên tòa đến lần thứ hai không nêu lý do, không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và cũng không có người đại diện tham gia phiên tòa. Theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự thì Tòa án xét xử vắng mặt anh V.

[2]. *Về tình cảm:* Căn cứ vào lời khai của chị T, anh V và biên bản hòa giải của Ủy ban nhân dân xã S đủ cơ sở xác định được kể từ ngày kết hôn vợ chồng chị T – anh V chỉ chung sống hạnh phúc với nhau được một thời gian khoảng 2

năm, sau đó thì xảy ra mâu thuẫn. Vợ chồng thường cãi vã, xúc phạm lẫn nhau, anh V thỉnh thoảng sử dụng vũ lực với chị T và thiếu quan tâm xây dựng cuộc sống chung, không chăm lo vun vén cho hạnh phúc vợ chồng. Từ năm 2011 chị T bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở huyện X sinh sống, ly thân với anh V. Từ đó đến nay, cả hai bên vợ chồng không còn quan tâm và thực hiện các nghĩa vụ của vợ chồng đối với nhau. Chính quyền đã hòa giải nhưng vẫn không hàn gắn được tình cảm vợ chồng. Sau khi thụ lý vụ án ly hôn theo đơn của chị T, Tòa án đã hai lần thông báo cho anh V đến để hòa giải nhằm mục đích đoàn tụ vợ chồng nhưng anh V không đến, không quan tâm đến việc đoàn tụ. Do đó theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình đủ căn cứ chấp nhận yêu cầu của chị T về việc ly hôn anh V.

[3]. *Về con*: Cháu Dương Huy H sinh ngày 29 – 10 – 2009 là con chung của anh V và chị T. Mặc dù cháu có nguyện vọng được ở với bà nội, nhưng theo quy định tại các Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình thì nghĩa vụ trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn thuộc về cha mẹ, cho nên không thể giao cháu H cho bà nội trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục theo nguyện vọng của cháu. Nay anh V cũng đã đi xuất khẩu lao động ở nước ngoài, không có điều kiện trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Vì lẽ đó giao cháu H cho chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục sau khi ly hôn. Chị T không yêu cầu anh V đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con, cho nên theo khoản 1 Điều 5 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án không xem xét việc đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con trong vụ án này.

[4]. *Về tài sản*: Chị T (là nguyên đơn) không yêu cầu phân chia tài sản chung của vợ chồng. Còn anh V (là bị đơn) ban đầu tại bản tự khai và biên bản lấy lời khai có yêu cầu Tòa án phân chia tài sản chung của vợ chồng, nhưng sau đó anh V bất hợp tác, không có mặt tại Tòa án theo giấy triệu tập (đã được Tòa án gửi cho anh V và niêm yết công khai nhiều lần) để giải quyết yêu cầu của mình, đến nay anh V đã vắng mặt tại phiên tòa đến lần thứ hai không nêu lý do, không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và cũng không có người đại diện tham gia phiên tòa. Theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự thì anh V bị coi là từ bỏ yêu cầu phản tố về phân chia tài sản chung của vợ chồng và Tòa án quyết định đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu phản tố của anh V về phân chia tài sản. Anh V (và chị T) có quyền khởi kiện phân chia tài sản chung của vợ chồng trong một vụ án khác theo quy định của pháp luật.

[5]. *Về án phí*: Chị T là nguyên đơn yêu cầu ly hôn. Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và danh mục án phí, lệ phí Tòa án kèm theo thì chị T phải chịu 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm.

[6]. Về quyền kháng cáo: Chị T có mặt, được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh V vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Khoản 1 Điều 5, điểm c khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56, các Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và danh mục án phí, lệ phí Tòa án kèm theo xử:

- Chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thanh T về việc ly hôn anh Dương Đình V.

- Giao cháu Dương Huy H, sinh ngày 29 – 10 – 2009 cho chị Nguyễn Thanh T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục sau khi ly hôn.

Anh Dương Đình V có quyền và nghĩa vụ đi lại thăm nom cháu Dương Huy H không ai được phép ngăn cấm, cản trở.

- Đình chỉ giải quyết yêu cầu của anh Dương Đình V về phân chia tài sản chung của vợ chồng anh Dương Đình V – chị Nguyễn Thanh T. Anh Dương Đình V (và chị Nguyễn Thanh T) được quyền khởi kiện yêu cầu phân chia tài sản chung của vợ chồng trong một vụ án khác theo quy định của pháp luật.

- Buộc chị Nguyễn Thanh T phải nộp 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được khấu trừ 200.000đ tiền tạm ứng án phí mà chị đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kỳ Anh – tỉnh Hà Tĩnh theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005069 ngày 06 – 01 – 2017, còn 100.000đ (*một trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí chị Nguyễn Thanh T phải nộp tiếp.

Chị Nguyễn Thanh T được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Dương Đình V được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- Nguyên đơn (Chị T);
- Bị đơn (Anh V);
- VKSND huyện Kỳ Anh (2 bản);
- Chi cục THA DS huyện Kỳ Anh;
- Phòng nghiệp vụ TAND tỉnh Hà Tĩnh;
- UBND xã T;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn;

Hoàng Ngọc Tùng